

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐẮK LẮK Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 72/2024/HS-PT

Ngày 26-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Triết

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Thuần và ông Trịnh Văn Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Minh Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2024/TLPT-HS, ngày 19/2/2024 đối với các bị cáo Y Đ và đồng bọn, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2024/HS-ST ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

** Các bị cáo có kháng cáo:*

1. Họ và tên: **Y Đ** (tên gọi khác **Y Đ**), sinh năm 1993, tại Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thị trấn S, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 3/12; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Gia Rai; Tôn giáo: Tin lành; con ông: Y C, sinh năm 1965 và bà: H M1 (Đã chết); Bị cáo có vợ là R H, sinh năm 1995, có 01 con sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 30 tháng 3 năm 2011, Y Đ, bị Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, xử phạt 01 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, tại bản án số: 08/2011/HSST. Ngày 30 tháng 3 năm 2014, Y Đ chấp hành xong hình phạt.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Y O**, sinh năm 1988, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thị trấn S, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 11/12; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Gia Rai; Tôn giáo: Tin lành; con ông: Y T1, sinh năm 1955 và bà: H S, sinh năm 1957; Bị cáo có vợ là H T, sinh năm 1998 và có 03 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Y K**, sinh năm 1997, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thị trấn S, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Gia Rai; Tôn giáo: Không; Con ông: Y S1, sinh năm: 1974; con bà: H Y, sinh năm 1974; Bị cáo có vợ là H L1, sinh năm 2001 và 02 con lớn sinh năm 2017 con nhỏ sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Y N**, sinh năm 2003, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thị trấn S, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Gia Rai; Tôn giáo: Tin lành; Con ông: Y S (Đã chết) con bà: H D1, sinh năm 1976; Bị cáo có vợ là H D2, sinh năm 2004; bị cáo chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Y T**, sinh năm 1989, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thị trấn S, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Gia Rai; Tôn giáo: Tin lành; Con ông Y K1 (Đã chết) và bà H Y1, sinh năm 1970; Bị cáo có vợ là H B1, sinh năm 1995 và có 01 con sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Y L**, sinh năm 1995, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Buôn A1, thị trấn S, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 0/12; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Gia Rai; Tôn giáo: Tin lành; Con ông: Y C, sinh năm 1965; con bà: H Muan Ksor (Đã chết); Bị cáo có vợ là H' Du Ly Siu, sinh năm 1993 và có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không. Họ và tên: **Y L**, sinh năm 1995, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thị trấn S, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 0/12; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Gia Rai; Tôn giáo: Tin lành; Con ông: Y C, sinh năm 1965; con bà: H M1 (Đã chết); Bị cáo có vợ là H D, sinh năm 1993 và có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: **Y R**, sinh ngày 17/02/2006, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thị trấn S, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 3/12; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Gia Rai; Tôn giáo: Không; Con ông: Y S2, sinh năm 1978; con bà: H L, sinh năm 1980; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. Họ và tên: **Y G**, sinh ngày 21/6/2006, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Buôn A1, thị trấn S, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 4/12; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Gia Rai; Tôn giáo: Không; Con ông: K P, sinh năm 1976; con bà: H B, sinh năm 1977; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không. Họ và tên: **Y G**, sinh ngày 21/6/2006, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thị trấn S, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 4/12; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Gia Rai; Tôn giáo: Không; Con ông: K P, sinh năm 1976; con bà: H B, sinh năm 1977; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo Y L và Y R*: Ông Phạm Công M – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo Y G*: Ông Nguyễn Đình Đ1 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo Y Đ*: Bà Nguyễn Thị X – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

* *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Y R*: Bà H M, sinh năm 2000 (chị ruột của bị cáo Y R); nơi cư trú: Thị trấn S, huyện E, Đắk Lắk; có mặt.

* *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Y G*: Ông K P, sinh năm 1976 và bà: H B, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thị trấn S, huyện E, Đắk Lắk; ông bà đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn trong việc tranh chấp đất đai Tiểu khu 295, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, đang xảy ra tranh chấp với một nhóm người có rẫy giáp ranh. Ngày 07/01/2023 nên ngày 09/01/2023, Y Đ gọi điện thoại cho người tên Châu để thống nhất ngày 11/01/2023 cùng nhau vào rẫy để xác định lại ranh giới, giải quyết tranh chấp. Tối ngày 10/01/2023, Y Đ gặp và nói với Y N, Y L, Y G; Y T, Y R; Y Hoa Ksor; Y K và Y O là sáng ngày 11/01/2023 cùng với Y Đ đi vào rẫy để gặp Châu giải quyết tranh chấp đất đai. Tối ngày 10/01/2023, Y Đ gặp và nói với Y N, Y L, Y G; Y T, Y R; Y H; Y K và Y O là sáng ngày 11/01/2023 cùng với Y Đ đi vào rẫy để gặp Châu giải quyết tranh chấp đất đai. Mục đích Y Đ rủ nhiều người đi theo là để bên kia không dám đánh nhóm của Y Đ.

Khoảng 08 giờ, ngày 11/01/2023, nhóm của Y Đ xuất phát từ thị trấn S đến Tiểu khu 295, xã C, huyện E. Y Đ điều khiển xe mô tô, loại Wave biển số 47P1-237.66, chở Y Khôi ngồi sau, Y R đi cùng Y N, Y L đi cùng Y T, Y O đi cùng với Y H, còn Y G đi một mình một xe mô tô. Khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, thì đến rẫy của Y Đ nhưng không thấy Châu nên Y Đ gọi điện cho Châu thì Châu nói: “đợi lâu quá nên đã về”. Sau đó, nhóm của Y Đ cũng về. Khi về đến quán cơm, gần cầu Đ, thuộc Xã Cthôn 6, xã C, huyện E, thì Y Đ thấy trong quán có 02 người đàn ông giống người hôm trước (Y Đ cho rằng đã đánh anh em Y Đ vào ngày 07/01/2023), nên Y Đ vào quán xem. Thấy Y Đ dừng xe vào quán thì những người còn lại cũng dừng xe và đứng ở ngoài. Khi vào quán, Y Đ nói chuyện với 02 người đàn ông (*sau này xác định được là Nông Văn L và Tăng Nhật T*) đi vào rẫy để giải quyết việc tranh chấp đất, hai người này đồng ý. Sau đó Y Đ quay ra phía nhóm người đi cùng mình đang đứng bên ngoài và nói “**Đánh đi**” bằng tiếng đồng bào, thì cả nhóm lao vào dùng tay, chân, ghế nhựa, ghế sắt, dao đánh anh L và anh T. Cụ thể: Y Đ dùng tay trái ôm cổ Tăng Nhật T, tay phải đeo bao tay có bọc nhựa cứng ở khớp bàn, ngón (*điểm tiếp xúc của nắm đấm*) đấm liên tiếp nhiều cái vào mặt, mũi của anh T làm anh T ngã xuống nền, Y K dùng tay và chân đấm, đá nhiều cái vào người của anh T, Y O dùng phần lưng dao chém 3 nhát vào vai của anh T. Các đối tượng còn lại gồm Y N, Y L, Y G; Y T, Y R dùng tay, chân và ghế nhựa, ghế kim loại đánh túi bụi anh Nông Văn L. Anh L và anh T bỏ chạy ra phía sau quán rồi được mọi người đưa đi bệnh viện cứu chữa. Sau đó cả nhóm của Y Đ lên xe đi về.

Tại kết luận giám định pháp y về thương tích số 154/TgT-TTPY, ngày 16/01/2023, của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Anh Tăng Nhật T bị thương tích 15%.

Tại kết luận giám định pháp y về thương tích số: 283/TgT-TTPY, ngày 16/01/2023, của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Anh Nông Văn L bị thương tích 3%.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2024/HS-ST, ngày 05/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

[1] Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Y Đ, Y O, Y K, Y N, Y T, Y L, Y R và Y G phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

[2] Về hình phạt:

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo **Y Đ 02 năm 06 tháng tù**, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Y O và Y K.

Xử phạt bị cáo **Y O 02 năm 03 tháng tù**, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Xử phạt bị cáo **Y K 02 năm tù**, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Y N, Y T và Y L. Xử phạt bị cáo **Y N 01 năm 03 tháng tù**, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Xử phạt bị cáo **Y T 01 năm 03 tháng tù**, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Xử phạt bị cáo **Y L 01 năm 03 tháng tù**, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1 Điều 54 ; Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Y R và Y G. Xử phạt bị cáo **Y R 09 tháng tù**, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Xử phạt bị cáo **Y G 09 tháng tù**, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 17/01/2024, các bị cáo Y Đ, Y O, Y K, Y N, Y T, Y L, Y R, Y G kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2024/HS-ST, ngày 05/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk với nội dung như sau: Bị cáo Y Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo Y O, Y K, Y N, Y T, Y L, Y R, Y G kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng và bản án hình sự sơ thẩm đã được tóm tắt nêu trên.

* Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Y Đ, Y O, Y K, Y N, Y T, Y L, Y R, Y G, phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Xét kháng cáo của các bị cáo Y Đ, Y O, Y K, Y N, Y T, Y L: Mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù đối với bị cáo Y Đ, 02 năm 03 tháng tù đối với bị cáo Y O, 02 năm tù đối với bị cáo Y K, 01 năm 03 tháng tù đối với bị cáo Y N, 01 năm 03 tháng tù đối với bị cáo Y T, 01 năm 03 tháng tù đối với bị cáo Y L là thỏa đáng. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ mới. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo trên.

Xét kháng cáo của các bị cáo Y R, Y G: Mức hình phạt 09 tháng tù đối với bị

cáo Y R, 09 tháng tù đối với bị cáo Y G là phù hợp. Tuy nhiên, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 01, khoản 02 Điều 51 BLHS, khi phạm tội các bị cáo Y R, Y G là người dưới 18 tuổi, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Y R, Y G. Sửa bản án hình sự sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo Y R, Y G. Xử phạt bị cáo Y R 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, Y G 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

** Ông Phạm Công M - bào chữa cho bị cáo Y L và Y R; ông Nguyễn Đình Đ1 - bào chữa cho bị cáo Y G; bà Nguyễn Thị X - bào chữa cho bị cáo Y Đ cùng trình bày quan điểm:*

Hành vi của các bị cáo xuất phát từ việc trước đó mâu thuẫn về đất đai với nhóm của Châu, trong đó có bị hại là anh L, anh T, và bị cáo Y Đ, Y L bị nhóm của anh L, anh T đánh trước đó. Vậy bị hại là người có lỗi trước. Các bị cáo Y L, Y R, Y G có vai trò thứ yếu, giản đơn, chỉ giúp sức. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như: Các bị cáo đã khắc phục hậu quả và được bị hại bãi nại, trừ Y R và Y G ra thì các bị cáo khác đều có con nhỏ cần được chăm sóc, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế khó khăn, nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Do đó, đề nghị HĐXX không áp dụng tình tiết định khung “Có tính chất côn đồ” cho các bị cáo và áp dụng khoản 1 Điều 54, Điều 65 BLHS; áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo đồng ý với quan điểm của những người bào chữa và không bổ sung gì thêm.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Y R và bị cáo Y G không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm và không đồng ý với đề nghị không áp dụng tình tiết định khung “Có tính chất côn đồ” của người bào chữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đối với sự vắng mặt của người bào chữa ông Tô Tiến D tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Y N, Y L, Y G; Y T, Y R đã có đơn từ chối người bào chữa là ông Tô Tiến D và các bị cáo trình bày không yêu cầu người bào chữa cho các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định:

Do ý thức coi thường pháp luật, coi thường quy định về trật tự công cộng nên ngày 11/01/2023, tại quán cơm gần cầu Đ, thuộc xã C, huyện E, khi Y Đ thấy trong quán có 02 người đàn ông (là anh T và anh L) giống người hôm trước đã đánh anh em Y Đ liên quan đến tranh chấp đất đai, sau khi nói chuyện với anh T và anh L thì Y Đ quay ra hô các bị cáo khác **“Đánh đi”** nên tất cả các bị cáo đã xông vào, dùng ghế nhựa, ghế sắt, sòng dao và tay chân đánh anh T gây thương tích 15%, đánh anh L gây thương tích 3%. Các bị cáo tuy không có sự bàn bạc trước với nhau để đánh anh T và anh L nhưng hành vi thể hiện ý thức tiếp nhận ý chí của nhau và cùng lấy hung khí để đánh người bị hại, vì vậy các bị cáo phải chịu chung hậu quả thương tích do các bị cáo khác cùng gây ra cho anh T là 15% và anh L 3%.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội **“Cố ý gây thương tích”** theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc điểm a, i khoản 1 Điều 134) của Bộ luật hình sự, là có căn cứ pháp lý, đảm bảo đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo:

[2.1] Về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Y Đ, HĐXX nhận thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ mới. Bị cáo Y Đ trình bày tình tiết giảm nhẹ mới có bố ruột ông Y C là người có công với cách mạng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh.

Bản thân bị cáo có nhân thân xấu năm 2011 bị Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, xử phạt 01 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, bị cáo không lấy đó làm bài học, tu sửa bản thân mà tiếp tục phạm tội.

Xét mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù đối với bị cáo Y Đ là thỏa đáng, HĐXX xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo cho bị cáo Y Đ.

[2.1] Về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo Y O, Y K, Y N, Y T, Y L, Y R, Y G, HĐXX nhận thấy:

Xét mức hình phạt đối với các bị cáo: Y O 02 năm 03 tháng tù; Y K 02 năm tù; Y N 01 năm 03 tháng tù; Y T 01 năm 03 tháng tù; Y L 01 năm 03 tháng tù; Y R 09 tháng tù; Y G 09 tháng tù; là thỏa đáng. Bởi lẽ, tòa án cấp sơ thẩm đã xem

xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ mới.

Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo: Căn cứ theo khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 02/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TANDTC thì các bị cáo phạm tội “có tính chất côn đồ” thì không được cho hưởng án treo.

Từ những lập luận nêu trên, HĐXX nhận thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo cho các bị cáo.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351, điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Y Đ, Y O, Y K, Y N, Y T, Y L, Y R, Y G – Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 12/2024/HS-ST, ngày 05/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

[2.1] Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Y Đ 02 năm 06 tháng tù**, về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[2.2] Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Y O 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù**, về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo **Y K 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù**, về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[2.3] Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Y N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù**, về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo **Y T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù**, về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo **Y L 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù**, về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án

[2.4] Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1 Điều 54 ; Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Y R 09 (chín) tháng tù**, về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo **Y G 09 (chín) tháng tù**, về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm:

Bị cáo Y Đ, Y O, Y K, Y N, Y T, Y L, Y R, Y G; mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea Súp;
- Công an huyện Ea Súp;
- VKSND huyện Ea Súp;
- Sở Tư Pháp;
- THA hình sự huyện Ea Súp;
- THADS huyện S;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác
- Lưu hồ sơ.
- Cổng thông tin điện tử Tòa án.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Đình Triết